

Bản án số: 192/2018/HS-ST

Ngày: 26-7-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 171/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 tại tỉnh B; thường trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1945; bị cáo có 06 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1963, nhỏ nhất sinh năm 1983; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2015/HSST ngày 24/4/2015 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố H xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 25/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Ngày 08/01/2013 Công an phường H, quận T, thành phố H xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (chưa đóng phạt); bị cáo đang bị tạm giam về một tội phạm khác, có mặt.

- Người bị hại:

1. Chị Lý Diệu T, sinh năm 1983; địa chỉ: 240/1 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Anh Hà Đăng Á, sinh năm 1984; địa chỉ: 240/1 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê K, sinh năm 1972; địa chỉ: 285/4 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Phan Thu T, sinh năm 1979; thường trú: 232 L, khu phố 5, phường B, quận T, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 12/10/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dayang, kiểu dáng Dream, màu đen, biển số 53X8-2410 chạy trên nhiều tuyến đường thuộc địa bàn phường T, thị xã D, tỉnh B để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi Nguyễn Văn T đến trước nhà số 240/1 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B thì phát hiện xe máy hiệu Suzuki màu đỏ, biển số 52P4-5617 đang dựng trong nhà. Nguyễn Văn T dựng xe và đi vào nhà gặp chủ nhà chị L, giả vờ hỏi mua xe biển số 52P4-5617 và mượn chìa khóa xe để thử máy. Chị T hỏi lại Nguyễn Văn T: “sao biết bán xe mà mua” thì T trả lời là “do bạn bè giới thiệu”. Sau đó, chị T điện thoại cho chồng là anh Hà Đăng Á nói có người muốn mua xe máy và muốn mượn chìa khóa xe để nổ máy thử xe thì anh Á đồng ý. Chị T lấy chìa khóa xe máy biển số 52P4-5617 đưa cho T. Sau khi nhận chìa khóa xe, Nguyễn Văn T nổ máy xe khoảng 03 đến 05 phút, lợi dụng chị T đang bán hàng cho khách thì T ngồi lên xe tăng ga chạy về hướng vòng xoay A, thị xã T, bỏ lại xe máy biển số 53X8-2410 của T tại nhà chị T. Chiếm đoạt xe máy biển số 52P4-5617, Nguyễn Văn T điện thoại cho C (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hẹn gặp trước Công ty TNHH T ở địa chỉ 295/9B khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B, tại đây T bán chiếc xe trên cho C được 8.000.000 đồng.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 09/BB.ĐG ngày 18/01/2018 của Hội đồng định giá thị xã D, tỉnh B tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô hiệu Suzuki Sport, biển số 52P4-5617 trị giá 27.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 188/CT - VKS ngày 26 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức hình phạt từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Đối với xe máy biển số 58X8-2410 Nguyễn Văn T bỏ lại hiện trường, T khai mua của 01 người đàn ông (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Qua điều tra xác minh, chiếc xe này là của chị Nguyễn Thị Phan Thu T bị mất trộm vào khoảng tháng 9/2017 tại phường B, quận T, thành phố H. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An có công văn gửi cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, thành phố H tiếp nhận điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, người bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường giá trị xe theo biên bản định giá là 27.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại anh Hà Đăng Á không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 12/10/2017, tại số nhà 240/1 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B, Nguyễn Văn T đã có hành vi gian dối, giả vờ hỏi mua xe máy, mượn chìa khóa xe để thử máy. Nguyễn Văn T nổ máy chạy thử xe khoảng 3-5 phút, rồi tăng chạy về hướng vòng xoay A, thị xã T. Sau đó, Nguyễn Văn T điện thoại cho C (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hẹn gặp trước Công ty TNHH T ở địa chỉ 295/9B khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B và bán chiếc xe trên cho C được 8.000.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại tại phiên tòa, lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở xác định: Hành vi giả vờ hỏi mua xe biển số 52P4-5617 trị giá 27.000.000 đồng của bị cáo để người bị hại tin tưởng giao xe cho bị cáo thử máy, sau đó chiếm đoạt xe của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật hình sự 2015, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại....”

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó Cáo trạng số 188/CT - VKS ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tài sản của người bị hại một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 24/4/2015, Tòa án nhân dân quận T, thành phố H xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 25/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tình tiết tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Ngày 08/01/2013, Công an phường H, quận T, thành phố H xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (chưa đóng phạt). Bị cáo là người lao động nghề nghiệp làm thuê.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là xe máy hiệu Suzuki Sport, biển số 52P4-5617 trị giá 27.000.000 đồng không thu hồi được. Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe theo biên bản định giá của Hội đồng định giá là 27.000.000đ. Thiệt hại của người bị hại do lỗi của bị cáo gây ra nên cần buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại giá trị xe theo kết quả của Hội đồng định giá.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 58X8-2410, Nguyễn Văn T để lại hiện trường, T khai mua của 01 người đàn ông (chưa rõ nhân thân,

lai lịch). Qua điều tra xác minh, chiếc xe này là của chị Nguyễn Thị Phan Thu T bị mất vào khoảng tháng 9/2017 tại phường B, quận T, thành phố H. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An có công văn gửi cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố H tiếp nhận điều tra xử lý theo thẩm quyền.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thụ hình.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng **Điều 357, khoản 2 Điều 468**, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho anh Hà Đăng Á và chị Lý Diệu T xe mô tô hiệu Suzuki Sport, biển số 52P4-5617 trị giá 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.350.000 (một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong

thời 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền